

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẠC LIÊU
TỈNH BẠC LIÊU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2019/HNGĐ-ST
Ngày 24 tháng 7 năm 2019
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Lam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Dư Thị Út**

2. Bà **Khuru Liên Dung**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đặng Văn Kép** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà **Lý Thế Dung** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 238/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Lê Mỹ T** – Sinh năm 1985

Địa chỉ: Ấp H, xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

- Bị đơn: Anh **Trương Như T**, sinh năm 1978

Địa chỉ: Ấp G, xã H, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị **Trần Lê Mỹ T** trình bày:

- Về hôn nhân: Chị **T** và anh **Trương Như T** tự nguyện sống chung như vợ chồng từ năm 2007, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng ngày 23/01/2007. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, nhưng thời gian 03 năm gần đây do anh **T** ghen tuông vô cớ dẫn đến mâu thuẫn phát sinh, thường xuyên cãi vã. Anh **T** thường xuyên đến chỗ chị **T** làm quậy phá, sau đó xin lỗi hứa sẽ sửa đổi nhưng vẫn không thay đổi. Cuộc sống vợ chồng không hạnh

phúc, nay chị T không còn tình cảm với anh T, không thể tiếp tục chung sống với nhau, đã sống ly thân từ cuối năm 2016 đến nay. Chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Quá trình chung sống, có 01 con chung tên Trương Chí K, sinh ngày 14/3/2009. Con đang sống cùng chị T. Khi ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trương Như T trình bày:

- Về hôn nhân: Anh T và chị Trần Lê Mỹ T tự nguyện sống chung như vợ chồng từ năm 2007, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng ngày 23/01/2007. Quá trình chung sống bình thường, nhưng khoảng 03 năm gần đây anh T có ghen tuông vô cớ, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, cự cãi. Anh T có đến chỗ chị T làm chỉ một lần, kêu chị T ra nói chuyện, vợ chồng có cự cãi, nhưng không có to tiếng. Đã sống ly thân từ cuối năm 2016 đến nay. Hiện anh T chưa có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh sẽ không ghen tuông vô cớ, sẽ thay đổi bản thân, không làm cho chị T phải buồn. Anh T còn thương chị T nên không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Quá trình chung sống, có 01 con chung tên Trương Chí K, sinh ngày 14/3/2009. Con đang sống cùng chị T. Anh T không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu giải quyết việc nuôi con.

Nếu Tòa án cho chị T ly hôn với anh T, thì anh T đồng ý giao con chung cho chị T nuôi dưỡng, không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm hôm nay, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Giải quyết đúng thẩm quyền, cấp, tổng đạt các văn bản đúng quy định. Thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định, không thuộc trường hợp phải thay đổi ai. Việc chấp hành pháp luật của đương sự đã thực hiện đầy đủ. Vì vậy, về mặt thủ tục tố tụng, Viện kiểm sát không có ý kiến hay kiến nghị gì.

- Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Lê Mỹ T đối với anh Trương Như T.

Về con chung: Giao con chung là cháu Trương Chí K, sinh ngày 14/3/2009 cho chị Trần Lê Mỹ T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Trương Như T được quyền thăm nom con chung, không ai được phép cản trở.

Anh T không cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự thống nhất xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Án phí: Chị Trần Lê Mỹ T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án; quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát; sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Trần Lê Mỹ T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trương Như T nên đây là tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn anh T có địa chỉ cư trú tại thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu, nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Xét thấy chị T và anh T có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án xét xử vắng mặt chị T, anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Chị T và anh T tự nguyện chung sống như vợ chồng vào năm 2007, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng ngày 23/01/2007. Nên hôn nhân giữa chị T và anh T là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Theo quy định pháp luật, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

Nhưng chị T và anh T xác định vợ chồng có mâu thuẫn, đã sống ly thân từ cuối năm 2016 đến nay. Chị T kiên quyết xin ly hôn với anh T. Anh T xác định hiện nay không có cách để hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng anh T xác định vẫn còn thương chị T, nên không đồng ý ly hôn. Giữa chị T và anh T phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân một thời gian dài nhưng giữa anh chị không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Mặt khác, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng các bên không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Xét thấy mục đích hôn nhân giữa chị T và anh T không đạt được.

Căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, cho chị T được ly hôn với anh T.

[4] Về con chung: Chị T và anh T xác định quá trình chung sống, có một con chung là cháu Trương Chí K, sinh ngày 14/3/2009. Hiện nay cháu K đang sống cùng chị T.

Khi ly hôn chị T có yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Anh T xác định nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh đồng ý giao con cho chị T nuôi dưỡng.

Xét thấy cháu K đang sống ổn định cùng chị T, cháu phát triển bình thường về thể chất và tinh thần. Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở giao con chung là cháu K

cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, hiện cháu K đang sống cùng chị T, cho nên chị T được quyền tiếp tục nuôi dưỡng các cháu.

Anh T được quyền thăm nom cháu K, không ai được phép cản trở.

Chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, cho nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự thống nhất xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Lê Mỹ T đối với anh Trương Như T. Chị Trần Lê Mỹ T được ly hôn với anh Trương Như T.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Trương Chí K, sinh ngày 14/3/2009 cho chị Trần Lê Mỹ T trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Trương Như T được quyền thăm nom cháu Trương Chí K, không ai được phép cản trở.

Anh Trương Như T không cấp dưỡng nuôi con do chị Trần Lê Mỹ T không yêu cầu.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự thống nhất xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình chị Trần Lê Mỹ T phải chịu 300.000 đồng. Chị T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số **0000669 ngày 07/6/2019** tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu được chuyển thu án phí 300.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND TP. Bạc Liêu;
- UBND xã xã Bình Sơn,
huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang
- Chi cục THADS TP. Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- Lưu.

Lê Hồng Lam